

NGHỊ QUYẾT
Về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

TIÊU CHUẨN CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Mục 1

TIÊU CHUẨN CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH NÔNG THÔN

Điều 1. Tiêu chuẩn của tỉnh

1. Quy mô dân số:

- a) Tỉnh miền núi, vùng cao từ 900.000 người trở lên;
b) Tỉnh không thuộc điểm a khoản này từ 1.400.000 người trở lên.

2. Diện tích tự nhiên:

- a) Tỉnh miền núi, vùng cao từ 8.000 km² trở lên;
b) Tỉnh không thuộc điểm a khoản này từ 5.000 km² trở lên.

Điều 2. Tiêu chuẩn của xã

1. Quy mô dân số:

- a) Xã miền núi, vùng cao từ 5.000 người trở lên;
b) Xã không thuộc điểm a khoản này từ 16.000 người trở lên.

2. Diện tích tự nhiên:

- a) Xã miền núi, vùng cao từ 100 km² trở lên;
b) Xã không thuộc điểm a khoản này từ 30 km² trở lên.

Điều 3. Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính nông thôn có yếu tố đặc thù

1. Tỉnh, xã có 50% dân số là người dân tộc thiểu số ở miền núi, vùng cao hoặc ở đơn vị hành chính có đường biên giới quốc gia trên đất liền thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định đối với tỉnh, xã tương ứng; cứ thêm 15% dân số là người dân tộc thiểu số thì được giảm thêm 5% mức quy định đối với tỉnh, xã tương ứng; các tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển được xác nhận theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này; tiêu chuẩn còn lại thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Đơn vị hành chính nông thôn ở vùng Đồng bằng sông Hồng thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn diện tích tự nhiên bằng 50% mức quy định đối với đơn vị hành chính nông thôn tương ứng; các tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định tại Mục này.

4. Đơn vị hành chính nông thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, định hướng phát triển thành đơn vị hành chính đô thị thì được áp dụng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đô thị đó.

5. Đối với đơn vị hành chính nông thôn có nhiều yếu tố đặc thù thì mỗi tiêu chuẩn chỉ được áp dụng mức giảm tương ứng với một yếu tố đặc thù quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Mục 2

TIÊU CHUẨN CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ĐÔ THỊ

Điều 4. Tiêu chuẩn của thành phố

1. Quy mô dân số từ 2.500.000 người trở lên.
2. Diện tích tự nhiên từ 2.500 km² trở lên.
3. Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã từ 50% trở lên.
4. Có khu vực đã được công nhận là đô thị loại I trở lên hoặc đạt tiêu chí của đô thị loại I trở lên.
5. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 5. Tiêu chuẩn của phường

1. Quy mô dân số:
 - a) Phường thuộc thành phố trực thuộc trung ương từ 21.000 người trở lên;

b) Phường thuộc tỉnh từ 14.000 người trở lên;

2. Diện tích tự nhiên từ 5,5 km² trở lên.

3. Loại đô thị đạt một trong 02 tiêu chuẩn sau đây:

a) Có khu vực đã được công nhận là đô thị loại V trở lên hoặc đạt tiêu chí của đô thị loại V trở lên trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành hoặc có khu vực thuộc phường hình thành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành;

b) Có khu vực đã được công nhận là đô thị loại IV trở lên kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

4. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 6. Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đô thị có yếu tố đặc thù

1. Đơn vị hành chính đô thị ở miền núi, vùng cao hoặc đơn vị hành chính đô thị có đường biên giới quốc gia trên đất liền thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50%, mức tối thiểu của tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội bằng 70% mức quy định đối với đơn vị hành chính đô thị tương ứng; các tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định tại Mục này.

2. Thành phố trực thuộc trung ương có 02 yếu tố đặc thù sau đây thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số, tiêu chuẩn tỷ lệ phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã bằng 50% mức quy định khoản 1, khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết này; các tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định tại Mục này:

a) Có di sản văn hóa vật thể hoặc phi vật thể được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp quốc (UNESCO) công nhận;

b) Được xác định là trung tâm du lịch quốc tế hoặc trung tâm phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực liên kết phát triển với các trung tâm kinh tế lớn của quốc gia trong quy hoạch, định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phường có 02 yếu tố đặc thù sau đây thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định đối với phường tương ứng; các tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định tại Mục này:

a) Có di sản văn hóa vật thể hoặc phi vật thể được UNESCO công nhận hoặc có di sản văn hóa vật thể được cấp có thẩm quyền xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt;

b) Được xác định hoặc trực thuộc đơn vị hành chính cấp tỉnh được xác định là trung tâm du lịch quốc gia hoặc quốc tế trong quy hoạch, định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đối với đơn vị hành chính đô thị có nhiều yếu tố đặc thù thì mỗi tiêu chuẩn chỉ được áp dụng mức giảm tương ứng với một yếu tố đặc thù quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Mục 3

TIÊU CHUẨN CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH Ở HẢI ĐẢO

Điều 7. Tiêu chuẩn của đặc khu

Tiêu chuẩn của đặc khu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 8. Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã đã được công nhận là xã đảo

1. Đơn vị hành chính đã được công nhận là xã đảo thì mức tối thiểu của các tiêu chuẩn quy mô dân số, diện tích tự nhiên bằng 50% mức quy định đối với đơn vị hành chính tương ứng, tiêu chuẩn còn lại thực hiện theo quy định tại Mục 1 và Mục 2 Chương này.

2. Không áp dụng đồng thời quy định tại khoản 1 Điều này với quy định tại Điều 3 và Điều 6 của Nghị quyết này.

Chương II

LẬP, THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN THÀNH LẬP, GIẢI THỂ, NHẬP, CHIA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VÀ ĐỔI TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Điều 9. Đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính

1. Đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính gồm có năm phần và phụ lục như sau:

- a) Phần thứ nhất: căn cứ pháp lý và sự cần thiết;
- b) Phần thứ hai: lịch sử hình thành và hiện trạng của các đơn vị hành chính liên quan trực tiếp đến việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính.
- c) Phần thứ ba: phương án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính.
- d) Phần thứ tư: đánh giá tác động và định hướng phát triển của đơn vị hành chính sau khi thành lập, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính. Trường hợp giải thể đơn vị hành chính thì không yêu cầu nội dung về định hướng phát triển của đơn vị hành chính.
- đ) Phần thứ năm: kết luận và kiến nghị
- e) Phụ lục kèm theo đề án gồm biểu thống kê diện tích tự nhiên và quy mô dân số của đơn vị hành chính liên quan trực tiếp đến việc thành lập, giải thể,

nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; biểu thống kê các chỉ tiêu về trình độ phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu; bản đồ hiện trạng địa giới của đơn vị hành chính liên quan trực tiếp đến việc thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và bản đồ phương án thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; 01 phim tài liệu (từ 15 đến 20 phút) về vị trí, hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội và hạ tầng của khu vực đề nghị thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; biểu tổng hợp các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính; các biểu, bảng số liệu được cấp có thẩm quyền xác nhận làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính; hồ sơ đề án phân loại đô thị; các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận về yếu tố đặc thù của đơn vị hành chính (nếu có).

2. Số liệu tại Đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính

a) Diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính được xác định theo số liệu thống kê đất đai được cấp có thẩm quyền công bố, có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh.

b) Quy mô dân số của đơn vị hành chính gồm dân số thường trú và dân số tạm trú do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

c) Số liệu đánh giá các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính trong đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính là số liệu tính đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề với năm gửi hồ sơ đề án đến cơ quan thẩm định và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp, xác nhận hoặc công bố.

Điều 10. Tên của đơn vị hành chính thành lập mới và đổi tên đơn vị hành chính

1. Tên đơn vị hành chính được viết bằng chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc thiểu số.

2. Việc đặt tên, đổi tên của đơn vị hành chính cấp xã được quy định như sau:

a) Tên của đơn vị hành chính cấp xã cần dễ đọc, dễ nhớ, ngắn gọn, bảo đảm tính hệ thống, khoa học, phù hợp với các yếu tố truyền thống lịch sử, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương đồng tình ủng hộ;

b) Tên của đơn vị hành chính cấp xã không được trùng với tên của đơn vị hành chính cùng cấp trong phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh. Tên của đơn vị hành chính cấp tỉnh thành lập mới không được trùng với tên của đơn vị hành chính cùng cấp hiện có trong phạm vi cả nước.

3. Trường hợp đổi tên đơn vị hành chính được thực hiện đồng thời với việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính thì Đề án đổi tên đơn vị hành chính được nhập vào Đề án thành lập,

giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết này.

4. Trường hợp đổi tên đơn vị hành chính không thực hiện đồng thời với việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính thì Đề án đổi tên đơn vị hành chính gồm các nội dung sau:

- a) Phần thứ nhất: căn cứ pháp lý và sự cần thiết đổi tên đơn vị hành chính;
- b) Phần thứ hai: lịch sử hình thành và hiện trạng của các đơn vị hành chính được đề xuất đổi tên.
- c) Phần thứ ba: phương án đổi tên đơn vị hành chính.
- d) Phần thứ tư: đánh giá tác động của việc đổi tên đơn vị hành chính.
- đ) Phần thứ năm: kết luận và kiến nghị.

Điều 11. Thẩm định Đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đổi tên đơn vị hành chính

1. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ Đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đổi tên đơn vị hành chính. Việc thẩm định được thực hiện trên cơ sở hồ sơ Đề án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và gửi thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Căn cứ vào yêu cầu thực tiễn, Bộ Nội vụ xem xét, quyết định việc tổ chức khảo sát phục vụ thẩm định đề án.

3. Nội dung thẩm định Đề án bao gồm:

- a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;
- b) Sự phù hợp với các điều kiện thành lập, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Đối với Đề án giải thể đơn vị hành chính thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.
- c) Đánh giá các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính được thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính theo quy định tại Mục I của Nghị quyết này;
- d) Tính chính xác, thống nhất của nội dung đề án; kiểm tra, đối chiếu so với thực trạng phát triển của đơn vị hành chính;
- đ) Việc tuân thủ về nội dung hồ sơ Đề án, trình tự, thủ tục lập hồ sơ Đề án.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định, Bộ Nội vụ phải tổ chức thẩm định và gửi Báo cáo thẩm định về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ Đề án để tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ Đề án. Trường hợp cơ quan thẩm định cần thêm thời gian để xem xét hồ sơ Đề án, khảo sát thực tế thì có thể

gia hạn nhưng tối đa không quá 15 ngày làm việc và có văn bản thông báo về việc gia hạn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 12. Kinh phí thực hiện việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đổi tên đơn vị hành chính

Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí thực hiện việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đổi tên đơn vị hành chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.
2. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 14. Áp dụng pháp luật

Việc thành lập, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành phải bảo đảm để các đơn vị hành chính sau khi được thành lập, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính đạt các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng quy định tại Chương I của Nghị quyết này, trừ các trường hợp sau đây:

1. Trường hợp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của từ 02 đơn vị hành chính cùng loại hình tương ứng thì không áp dụng các tiêu chuẩn quy định tại Chương I của Nghị quyết này;
2. Trường hợp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của từ 02 đơn vị hành chính trở lên thành 01 đơn vị hành chính đô thị cùng cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì đơn vị hành chính đô thị sau khi nhập, thành lập phải đạt tiêu chuẩn về loại đô thị quy định đối với đơn vị hành chính đô thị tương ứng; không áp dụng các tiêu chuẩn khác quy định tại Chương I của Nghị quyết này;
3. Trường hợp thành lập phường từ một hay nhiều xã mà một trong các xã này được hình thành từ sắp xếp thị trấn với các ĐVHC cấp xã năm 2025 thì

không phải áp dụng tiêu chuẩn về phân loại đô thị; các tiêu chuẩn khác theo quy định tại Chương I Nghị quyết này.

4. Trường hợp điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính hoặc nhập có kết hợp với điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính mà làm giảm số lượng đơn vị hành chính cùng cấp thì quy mô dân số, diện tích tự nhiên và tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã (đối với thành phố trực thuộc trung ương) của các đơn vị hành chính sau khi thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính có thể thấp hơn tiêu chuẩn quy định tại Chương I của Nghị quyết này nhưng tối thiểu phải đạt 70% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng; các tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định tại Chương I của Nghị quyết này.

5. Trường hợp để đáp ứng yêu cầu đặc biệt về quản lý lãnh thổ, bảo vệ chủ quyền quốc gia hoặc phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực liên kết phát triển với các trung tâm kinh tế lớn của quốc gia theo định hướng của cấp có thẩm quyền thì đơn vị hành chính có thể được thành lập, nhập hoặc điều chỉnh địa giới mà không áp dụng các tiêu chuẩn quy định tại Chương I của Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, phiên họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Mẫn

PHỤ LỤC**TIÊU CHUẨN CƠ CẤU VÀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

TT	Chỉ tiêu	Thành phố	Phường thuộc thành phố	Phường thuộc tỉnh
1	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ	Đủ	Đủ
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước (lần)	1,75	1,05	0,7
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của cả nước	Đạt bình quân của thành phố	Đạt bình quân của tỉnh
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của cả nước	Đạt bình quân của thành phố	Đạt bình quân của tỉnh
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	90%	80%	70%
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành (đối với thành phố trực thuộc ương) và toàn đô thị (đối với phường)	90%	80%	70%